

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-BYT ngày 16/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Thông tư số 02/2026/TT-BYT ngày 04/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 74/TTr-SYT ngày 17/3/2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm thực hiện giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này (nếu có thay đổi) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính bảo đảm kịp thời, đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2026.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX, Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.A.Tuấn.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ DUNG**  
**LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 thủ tục)**

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả			Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Trực tiếp	Dịch vụ BCCI	DVC trực tuyến	
1	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Trường hợp <b>không phải thẩm định thực tế tại cơ sở</b> : 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp <b>phải thẩm định thực tế tại cơ sở</b> : Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và	- Trường hợp <b>không phải thẩm định thực tế tại cơ sở</b> : 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp <b>phải thẩm định thực tế tại cơ sở</b> : Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.	<i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giám sát danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)</i> - <b>Trường hợp 1</b> : Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay	x	x	Một phần	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023. - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. - Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

			<p>lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.</p>	<p>đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.</p>	<p>đổi địa điểm (Điều 65 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP)          Phí: 1.500.000 đồng/hồ sơ (Thu 50% mức phí trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)</p> <p>- <b>Trường hợp 2:</b> Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP)</p> <p>a) Thay đổi quy mô hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul>			<p>và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2026/TT-BYT ngày 04/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của</li> </ul>
--	--	--	--	---	---	--	--	---

					<p>b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>(Thu 50% mức phí trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)</p> <p>c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí.</p> <p>- <b>Trường hợp 3:</b> Trường hợp bổ sung các kỹ thuật thuộc</p>				<p>Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

					<p>danh mục kỹ thuật loại đặc biệt (Khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP)</p> <p>a) Thay đổi quy mô hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở</li> </ul>				
--	--	--	--	--	---	--	--	--	--

					<p>dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</li><li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li></ul> <p>(Thu 50% mức phí trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)</p> <p>c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí.</p>				
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--